

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ MỸ THO
TỈNH TIỀN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 32 /2023/HNGĐ-ST

Ngày 30-3- 2023

V/v tranh chấp "Ly hôn"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ MỸ THO, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Sắc Ly.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Kiệt.

2. Ông Võ Thành Nhân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Nhật Minh - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Mỹ Tho tham gia phiên tòa: Ông Mai Hùng Nhân - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 3 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 68/2023/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 02 năm 2023 về tranh chấp "Ly hôn".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Nguyễn Tấn Ph, sinh năm 1990 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp T, xã X, huyện C, Tiền Giang.

- Bị đơn: Trần Phương D, sinh năm 1988 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp B, xã T, tp Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Nguyễn Tấn Ph trình bày:

Vào năm 2017 anh và chị Trần Phương D đi đến hôn nhân với nhau, nhưng không đăng ký kết hôn. Sau khi về sống chung thì chúng tôi có 01 đứa con chung là Nguyễn Ngọc Phương T, sinh ngày 03/3/2018. Tuy nhiên, từ tháng 3/2018 cô D bế con nhỏ về nhà cha mẹ ruột và từ đó ở luôn cho đến nay. Mặc dù đã nhiều lần rước nhưng chị D không về. Đã ly thân từ tháng

3/2018 đến nay. Nhận thấy, tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên làm đơn yêu cầu Tòa án xem xét:

- Về hôn nhân: Anh Nguyễn Tấn Ph yêu cầu được ly hôn với Trần Phương D. Không công nhận anh Ph và chị D là vợ chồng. Vì vợ chồng có ra Ủy ban xã Tân Mỹ Chánh làm thủ tục kết hôn, nhưng sau đó có mâu thuẫn nên anh không có ký vào giấy kết hôn. Hiện tại anh đã kết hôn và chung sống với Nguyễn Thị Cao Mẫn, nên muốn chấm dứt hôn nhân với chị D.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc Phương T, sinh ngày 03/3/2018. Yêu cầu giao cho chị Trần Phương D được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, anh cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng. Không có khả năng cấp dưỡng một lần như chị D trình bày. Nếu cấp dưỡng hàng tháng thì có khả năng.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn Trần Phương D trình bày:

- Về hôn nhân: Đồng ý ly hôn với anh Ph vì không còn tình cảm.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc Phương T, sinh ngày 03/3/2018. Đồng ý tiếp tục nuôi cháu T, anh Ph có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng. Nhưng yêu cầu anh Ph cấp dưỡng 1 lần từ nay đến khi con chung 18 tuổi, tính ra khoản 13 năm. Chị không đồng ý nhận hàng tháng vì anh Ph không tự nguyện thi hành và chị được biết gia đình anh Ph có điều kiện cấp dưỡng 01 lần. Chị sẽ cung cấp chứng cứ chứng minh.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà:

Anh Nguyễn Tấn Ph vẫn giữ nguyên lời trình bày theo đơn khởi kiện.

Chị Nguyễn Thị Phương D đồng ý ly hôn và không công nhận quan hệ vợ chồng với anh Ph. Yêu cầu anh Ph cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/ tháng. Yêu cầu cấp dưỡng từ khi con 01 tháng tuổi đến khi con 5 tuổi. Về yêu cầu cấp dưỡng 01 lần thì chị yêu cầu Hội đồng xét xử căn cứ theo qui định pháp luật để xem xét.

Đại diện Viện kiểm sát Ph biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký tòa án, Hội đồng xét xử và các đương sự từ khi thụ lý vụ án cho đến thời điểm Hội đồng xét xử chuẩn bị nghị án đều đúng theo trình tự do Bộ luật tố tụng quy định.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đại diện Viện kiểm sát cho rằng yêu cầu khởi kiện của anh Ph là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Tấn Ph.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi thẩm tra xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nghe lời trình bày của đương sự, ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Nguyễn Tấn Ph với chị Trần Phương D cả hai chung sống có một con chung nhưng không đăng ký kết hôn. Ngày 08/02/2023 anh Ph khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh D và không công nhận quan hệ vợ chồng. Hình thức và nội D đơn khởi kiện đúng quy định tại Điều 189 Bộ luật tố tụng dân sự. Chị Trần Phương D thường trú tại địa chỉ ấp Bình Lợi, xã Tân Mỹ Chánh, [TP Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang](#), theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, anh Ph và chị D cả hai có tổ chức lễ cưới vào năm 2017 và có với nhau một người con chung, năm 2018 chị D bỏ về nhà cha mẹ ruột sống đến nay. Chị D và anh Ph thừa nhận cả hai có đến Ủy ban nhân dân xã Tân Mỹ Chánh nộp hồ sơ đăng ký kết hôn, tuy nhiên do có mâu thuẫn Ph sinh nên anh Ph không đến Ủy ban xã Tân Mỹ Chánh ký vào sổ kết hôn và giấy kết hôn bản chính. Lời trình bày trên cũng phù hợp với nội D tại biên bản xác minh ngày 28/02/2023 tại Ủy ban nhân dân xã Tân Mỹ Chánh “Vào thời điểm năm 2018 anh Ph và chị D có đến Ủy ban nhân dân xã Tân Mỹ Chánh nộp hồ sơ đăng ký kết hôn nhưng sau đó anh Ph và chị D không ký vào sổ kết hôn do có mâu thuẫn”. Căn cứ theo qui định tại Điều 18 Luật hộ tịch năm 2014; Và hướng dẫn chi tiết tại Điều 32 Thông tư 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 thì “Ngày, tháng, năm đăng ký kết hôn là ngày hai bên nam, nữ có mặt, ký vào Sổ đăng ký kết hôn và Giấy chứng nhận kết hôn tại cơ quan đăng ký hộ tịch. Quan hệ hôn nhân được xác lập từ thời điểm đăng ký kết hôn”. Do đó, về mặt pháp luật thì anh Ph và chị D không được công nhận là vợ chồng. Tại phiên tòa, chị D đồng ý không công nhận quan hệ vợ chồng với anh Ph do chưa ký vào giấy kết hôn. Hội đồng xét xử nhận định, do quan hệ hôn nhân giữa chị anh Ph và chị D không thực hiện đăng ký kết hôn theo qui định pháp luật nên quan hệ hôn nhân này không được pháp luật thừa nhận, nay anh Ph có yêu cầu ly hôn không công nhận quan hệ vợ chồng là có căn cứ. Căn cứ vào Điều 14 Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014, Tòa án không công nhận anh Nguyễn Tấn Ph với chị Trần Phương D là vợ chồng, ghi nhận thỏa thuận của anh Ph và chị D tại tòa.

[3] Về con chung: Anh Ph và chị D có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc Phương T, sinh ngày 03/3/2018. Anh Ph yêu cầu giao con cho chị Trần Phương D được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, anh Ph cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng. Chị D đồng ý tiếp tục nuôi cháu Nguyễn Ngọc Phương T, nhưng yêu cầu anh Ph cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng và Yêu cầu cấp dưỡng từ khi con 01 tháng tuổi đến khi con 5 tuổi. Về yêu cầu cấp dưỡng 01 lần thì chị yêu cầu Hội đồng xét xử căn cứ theo qui định pháp luật để xem xét.

Hội đồng xét xử thấy rằng, do cháu T từ nhỏ đến nay chung sống cùng với chị D, để đảm bảo cho sự Ph triển tốt nhất của cháu nên tiếp tục giao cho chị D trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng là phù hợp. Về yêu cầu cấp dưỡng, chị D yêu cầu anh Ph cấp dưỡng mỗi tháng 2.000.000 đồng, anh Ph cho rằng bản thân hiện là thu nhập chính của gia đình nên không có khả năng cấp dưỡng 2.000.000 đồng/tháng. Xét thấy, anh Ph hiện làm nghề chạy xe 03 gác thu nhập không cao, anh Ph tự nguyện cấp dưỡng cho con chung mỗi tháng 1.500.000 đồng là phù hợp với điều kiện kinh tế của anh Ph, nên Hội đồng xét xử chấp nhận mức cấp dưỡng 1.500.000 đồng/tháng. Chị D yêu cầu cấp dưỡng cho con chung từ khi con 1 tháng tuổi đến hiện nay là con 5 tuổi, yêu cầu này không được anh Ph đồng ý, dù đã được Hội đồng xét xử động viên tự nguyện hỗ trợ chị D nuôi con. Xét thấy, theo quy định pháp luật thì việc cấp dưỡng của vợ chồng khi ly hôn đối với con chung được thực hiện từ thời điểm vợ chồng ly hôn. Do đó, không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu này của chị D. Đối với yêu cầu cấp dưỡng làm một lần, phía anh Ph không đồng ý cấp dưỡng nuôi con làm một lần vì cho rằng bản thân không có khả năng. Ngay tại phiên toà, phía chị D cũng không cung cấp được chứng cứ chứng minh phía anh Ph có tài sản đảm bảo cho việc cấp dưỡng một lần. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu cấp dưỡng nuôi con làm một lần của chị D.

[4] Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

[5] Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Đề nghị của Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Mỹ Tho là có cơ sở và phù hợp một phần với nhận định của Hội đồng xét xử.

[7] Về án phí: Anh Nguyễn Tấn Ph phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, Điều 227, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 14, Điều 81, 84, 115, 116, 117 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Tấn Ph.

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thoả thuận của anh Nguyễn Tấn Ph và chị Trần Phương D. Tuyên bố không công nhận anh Nguyễn Tấn Ph và chị Trần Phương D là vợ chồng.

- Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Ngọc Phương T, sinh năm

2018 cho chị D tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, đến khi con chung đủ 18 tuổi và lao động được. Anh Ph có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi lao động được.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Anh Nguyễn Tấn Ph phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm. Anh Ph đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0023361 ngày 08/02/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Mỹ Tho, nên xem như đã nộp xong án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Anh Ph, chị D có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP Mỹ Tho;
- Chi cục THADS TP Mỹ Tho;
- UBND xã T;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.07

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Phạm Thị Sắc Ly